



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ WIN HOUSE 2



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án đầu tư

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRẠI
CHĂN NUÔI GÀ CÔNG NGHIỆP,
QUY MÔ 420.000 CON GÀ THỊT/LÚA**



BÌNH PHƯỚC, THÁNG 06 NĂM 2022



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ WIN HOUSE 2



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRANG TRẠI
CHĂN NUÔI GÀ CÔNG NGHIỆP,
QUY MÔ 420.000 CON GÀ THỊT/LÚA

ĐỊA CHỈ

Xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

CÔNG TY TNHH
ĐẦU TƯ WIN HOUSE 2



Phạm Thị Thanh Tuyền

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 06 NĂM 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH VẼ	5
CHƯƠNG I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
1. Tên chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ WIN HOUSE 2	6
2. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 420.000 con gà thịt/lứa	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:.....	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:.....	12
CHƯƠNG II	13
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	13
1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	13
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	13
CHƯƠNG III.....	14
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	14
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	14
2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải	17
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	19
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn.....	20
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	20
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không	24

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi.....	24
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	24
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	25
CHƯƠNG IV.....	26
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	26
1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải	26
2. Nội dung cấp phép đối với khí thải:.....	27
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	27
4. Đề nghị cấp phép dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: ...	27
5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	27
CHƯƠNG V	28
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	28
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:	28
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật	30
CHƯƠNG VI.....	32
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	32

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTCT	:	Bê tông cốt thép
BOD ₅ ²⁰	:	Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCKTQG	:	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
SS	:	Chất rắn lơ lửng
BNNPTNT	:	Bộ Nông nghiệp Phát triển nông thôn
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng dầu DO của dự án	11
Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng thuốc của Dự án	12
Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng lao động của Dự án	12
Bảng 3.1. Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng	17
Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh dự kiến	19
Bảng 3.3: Những nội dung thay đổi về phương án xử lý chất thải giữa quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế.....	25
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án	26
Bảng 5.1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án	28
Bảng 5.2 : Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu	28
Bảng 5.3 : Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu nước thải :.....	29
Bảng 5.4 : Phương pháp phân tích mẫu nước thải	29
Bảng 5.5 : Vị trí lấy mẫu của hệ thống xử lý nước thải.	30
Bảng 5.6: Các thông số quan trắc tại mẫu nước thải trước HTXLNT và sau HTXLNT.	30

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1.1: Quy trình chăn nuôi gà thịt.....	7
Hình 3.1: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	15
Hình 3. 2: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải	15
Hình 3.3: Quy trình xử lý xác gà chết không do dịch bệnh	18

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ WIN HOUSE 2

- Địa chỉ văn phòng: Số 01 đường số 9, KP 1, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: bà Phạm Thị Thanh Tuyền
- Điện thoại: 02838977777 Email:
- Giấy chứng nhận đầu tư/ đăng ký kinh doanh số: 0316586341 do phòng đăng ký kinh doanh, sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 11 năm 2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 11 năm 2021.

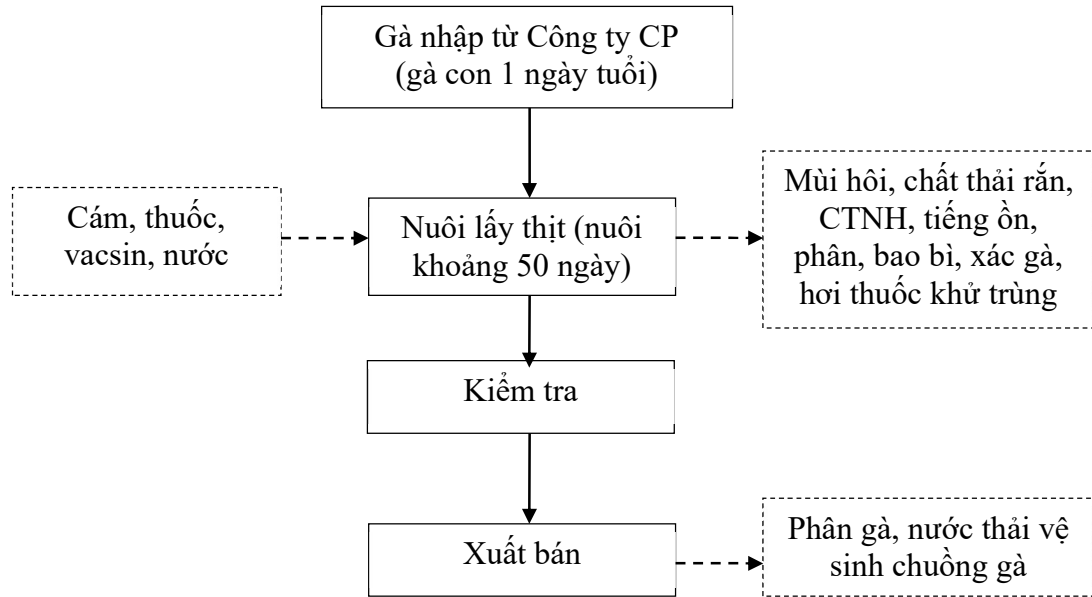
2. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 420.000 con gà thịt/lúa

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
- Quyết định phê duyệt số 397/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 420.000 con gà thịt/lúa tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước của UBND tỉnh Bình Phước cấp ngày 09/02/2021.
- Công văn số 2103/STNMT-CCBVMT về việc ý kiến đối với việc thay đổi một số hạng mục công trình xây dựng của Công ty TNHH Đầu tư Win House 2 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 30/07/2021.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B (420.000 con gà thịt/lúa, tổng vốn đầu tư 68.000.000.000 VNĐ).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư: 420.000 con gà thịt/lúa.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:



Hình 1.1: Quy trình chăn nuôi gà thịt

Mô tả quy trình công nghệ:

– Rải trấu: Rải trấu lên toàn bộ nền chuồng dày khoảng 10 cm khoảng và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Cứ sau 2-3 ngày tiến hành cào trên bề mặt đệm lót một lần để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân được phân hủy nhanh hơn. Thời gian dài hay ngắn tùy thuộc vào mặt đệm lót bị nén chặt hay không và lượng phân gà nhiều hay ít. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền chuồng.

– Gà giống 1 ngày tuổi (có khối lượng 0,2-0,3kg) được nhập từ Công ty CP đảm bảo chất lượng và số lượng. Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Trại gà được xây dựng gồm 18 nhà nuôi gà, toàn bộ gà giống được nhập trong 3 ngày, gà được lấp đầy từng chuồng.

– Gà được chăm sóc nuôi dưỡng với các thiết bị tự động và bán tự động, đảm bảo thức ăn và nước uống cung cấp cho gà không bị rơi vãi gây mùi hôi và hao phí nguyên liệu đầu vào. Trong quá trình nuôi nếu phát hiện các con gà bị nghi mắc bệnh sẽ báo cho thú y đến kiểm tra. Nếu bị bệnh sẽ tiến hành tiêu hủy theo đúng quy định. Gà chết không do dịch bệnh sẽ được thu gom và cho vào hầm hủy xác để xử lý theo đúng quy định.

– Gà nuôi sau 50 ngày (gà đạt khối lượng khoảng 2,5 kg) sẽ được xuất chuồng toàn bộ trong 3 ngày. Gà xuất chuồng sẽ được đưa xe tải vận chuyển đến xuất bán. Chuồng nuôi sẽ được vệ sinh lau chùi sạch trần, vách, còn nền sẽ được phun rửa, xử lý chất thải.

– Trước khi nhập gà mới, chuồng được khử trùng và sẽ được đóng kín trong vòng 24 giờ.

– Một năm trại gà nuôi 6 lứa, mỗi lứa 420.000 con gà thịt/lứa (tương đương 2.520.000 con gà thịt/năm).

– Phân gà sẽ được xử lý bằng enzym và trấu ngay tại chuồng để hạn chế tối đa mùi hôi và ảnh hưởng của các loại vi khuẩn gây bệnh. Gà nuôi đến khi đạt tiêu chuẩn sẽ được kiểm tra trước khi xuất bán. Sau mỗi lứa nuôi, phân gà cùng với trấu sẽ được đơn vị thu gom và chuyển giao ngay trong ngày xuất chuồng cho đơn vị có chức năng thu gom, không lưu chứa tại trại.

– Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại sẽ được dẫn về bể kỵ khí → hồ sinh để xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT trước khi sử dụng tưới cây xanh trong trại.

❖ Kỹ thuật chăn nuôi gà chuồng lạnh:

Do nhiệt độ ngày đêm chênh lệch quá cao, đàn gà nuôi sẽ chậm phát triển, gà thịt sẽ chậm lớn,... Có khi làm cho đàn gà nuôi công nghiệp giảm sức đề kháng, dẫn đến dịch bệnh cho cả đàn. Gà nuôi theo kiểu chuồng lạnh sẽ giảm thiểu những rủi ro này, cách ly với nguồn dịch, chim, chuột từ bên ngoài. Đặc biệt, trong tình hình dịch bệnh cúm gia cầm hiện nay vẫn chưa bị dập tắt, mô hình nuôi gà theo kiểu chuồng lạnh sẽ hạn chế mức thấp nhất sự lây lan và thiệt hại không đáng cho người chăn nuôi.

Mô hình chăn nuôi trại lạnh được xây dựng khá quy mô, thiết kế hệ thống làm mát bằng các tấm làm mát, sử dụng nước làm mát tuần hoàn, kết hợp thông gió thông gió cưỡng bức bằng quạt để làm mát chuồng trại. Toàn trại sử dụng 144 quạt thông gió, tấm làm mát được bố trí đầu mỗi dãy chuồng trại; quạt được bố trí cuối mỗi dãy chuồng. Nhiệt độ luôn duy trì trong trại là 21-25°C. Nước được bơm từ bồn chứa nước sạch và phân phối từ phía trên theo các tấm trao đổi ẩm, phía trong các tấm này được lắp các quạt hút. Dòng khí cần làm ẩm được hút xuyên qua các khe hẹp kiểu tổ ong, tiếp xúc và làm bay hơi lớp nước mỏng bám trên bề mặt vật liệu, không khí mang hơi ẩm sẽ được thổi vào bên trong các chuồng trại. Kỹ thuật này sử dụng chủ yếu là quạt hút và nước sạch vì vậy không có các nguồn ô nhiễm phát sinh từ công đoạn này.

Diện tích mỗi chuồng (15m x 112m). Lưu ý khi thiết kế khoảng trống từ quạt hút đến nơi gà ở phải rộng 10m, khoảng trống từ giàn lạnh đến khu nhà ở rộng 3 x 10m. Xung quanh chuồng gà chứa hành lang rộng 2m để đi lại chăm sóc đàn gà.

Nước cấp ban đầu cho hệ thống làm mát là: $3 \text{ m}^3/\text{nghà} \times 18 \text{ nhà} = 54 \text{ m}^3$ (quá trình hoạt động lượng hơi nước sẽ được ngưng tụ và cấp trở lại hệ thống). Cấp bổ sung: Trong quá trình hoạt động một lượng nước sẽ thất thoát do bay hơi do đó sẽ cung cấp một lượng nước bổ sung là khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày} \times 18 \text{ nhà} = 9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Bên trong trại gà, hệ thống máng nước tự động, khay để thức ăn được sắp xếp hợp lý, phù hợp với từng ô ngăn cách nhằm tạo không gian thoải mái. Cấp nước uống đến từng vị trí bằng hệ thống uống tự động. Sử dụng máng ăn tự động cho gà.

Chuồng xây xong, mỗi chuồng đổ một lớp trấu dày 10 cm trên sàn, pha thuốc để phun sát trùng bên trong và cách xa bên ngoài chuồng 5m, với chuồng cũ cần làm sạch

lớp chất độn có phân trên sàn và quét mạng nhện, xong đổ lớp trấu mới rồi phun thuốc sát trùng.

❖ Kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng gà thịt từ lúc nhập đến lúc xuất bán

– **Thức ăn và cách cho ăn**

- + Thức ăn: Đảm bảo đủ nhu cầu dinh dưỡng
- + Cách cho ăn: cho ăn bằng máng, thường xuyên bổ sung thức ăn vào máng để gà ăn tự do cả ngày.

– **Quản lý đàn gà**

- + Quan sát, theo dõi hàng ngày khi cho ăn.
- + Hàng ngày quan sát đàn gà và có biện pháp xử lý kịp thời nếu thấy gà ăn uống kém hoặc có hiện tượng khác thường.
- + Cần có sổ sách và ghi chép đầy đủ số liệu và các chi phí đầu vào (giá giống, lượng thức ăn tiêu thụ, thuốc thú y...) hàng ngày.

– **Vệ sinh phòng bệnh**

- + Để đảm bảo đàn gà khỏe mạnh, chuồng nuôi phải thường xuyên được vệ sinh sát trùng.
- + Phòng bệnh cho đàn gà theo lịch.

– **Thời gian nuôi**

- + Thời gian nuôi và xuất chuồng: 50 ngày
- + Sau khi gà xuất chuồng cần làm vệ sinh chuồng trại trước khi nuôi đợt mới, thời gian vệ sinh và chuẩn bị cho lứa mới là 13 ngày.

– **Chọn giống:** Chọn những con khỏe mạnh, lanh lẹ, lông mượt khô và bóng, không khuyết tật như: hở rốn, bụng xanh đen, bụng mềm căng đầy nước, da bụng mỏng, mù mắt vẹo mỏ, chân cong.

– **Yêu cầu sản phẩm đầu ra:** Gà thịt phải đạt từ 2 đến 2,5 kg/con. Gà khỏe mạnh không mắc các loại bệnh dịch, đạt yêu cầu kiểm định của cơ quan chức năng.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Quy mô dự án là tạo ra 420.000 con gà thịt/lứa (50 ngày/lứa), mỗi năm trại nuôi 06 lứa gà thịt. Bình quân mỗi năm cung cấp cho thị trường ở địa phương 2.520.000 con gà thịt sạch. Trọng lượng mỗi con gà thịt xuất bán đạt khoảng 2,5 kg; Do đó bình quân mỗi lứa dự án xuất cung cấp cho thị trường khoảng 1.050.000 kg thịt gà sạch.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

a/ Nhu cầu thức ăn của dự án

Thức ăn chính cho gà là dạng cám tổng hợp bao gồm: bột ngô, cám gạo,... Thành phần bao gồm nhóm nguyên liệu thô, nhiều xơ: các phụ phẩm nông nghiệp (xác mỳ, lõi ngô...); Nhóm nguyên liệu giàu năng lượng: tấm, gạo, ngô, sắn, cám, khoai mỳ, các loại củ giàu tinh bột; Nhóm nguyên liệu giàu protein: đậu lạc, khô dầu, đầu cá; Nhóm nguyên

liệu bổ sung: các chất muối khoáng, canxi, photpho...; Nhóm phụ gia: chất bảo quản, tạo mùi...(dầu cá, nước gan mực).

Thức ăn từ các xe vận chuyển nguyên liệu sẽ được đưa trực tiếp đến các si lô chứa thức ăn của nhà nuôi gà, sau đó tải thức ăn tới từng vị trí phễu và phân phối đến các máng ăn bằng van tự động. Thức ăn được lưu chứa trong si lô, đảm bảo cho gà dùng trong 10 ngày, khi hết sẽ nhập tiếp.

Theo số liệu do chủ đầu tư cung cấp tại các dự án tương tự thì ước tính lượng cám trung bình cung cấp cho gà thịt là 60g/con.ngày $\approx$ 0,06kg/con. Bình quân mỗi ngày lượng cám cần cung cấp cho tổng đàn gà là 25.200kg, trại mỗi lần nhập cám dùng trong 10 ngày khoảng 252 tấn/lần nhập. Vậy 1 lứa nuôi nhập 05 lần cám khoảng 1.260 tấn/lứa nuôi.

Trấu:

Sau khi xuất gà thịt, việc vệ sinh chuồng trại sẽ làm phát sinh khối lượng lớn phân gà trộn với vỏ trấu.

Theo số liệu do chủ đầu tư cung cấp tại các dự án tương tự thì ước tính 1m³ cần dùng khoảng 70kg vỏ trấu, với diện tích 01 chuồng gà (14,2x120)m² (diện tích khu vực chuồng nuôi rải trấu), độ dày lớp trấu lót khoảng 10cm = 0,1m và sử dụng cho suốt 1 lứa nuôi không thay thế hay bổ sung lớp trấu khác mà chỉ xới đảo để đảm bảo trấu lót khô ráo, thì lượng trấu sử dụng trong 01 lứa là:

$$70 \text{ kg vỏ trấu/m}^3 \times (14,2 \times 120) \text{ m}^2 \times 0,1 \text{ m} \times 14 \text{ nhà} = 166.992 \text{ kg} \sim 166,992 \text{ tấn/lứa}$$

b/ Nhu cầu sử dụng nước, điện trong quá trình chăn nuôi

– Công ty khoan 02 giếng để lấy nguồn nước cấp cho quá trình chăn nuôi và sinh hoạt của công nhân.

+ Nước sinh hoạt của công nhân: Theo TCXDVN 33-2006 về cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 100 lít/người.ngày. Tổng lao động chính là 20 người. Vậy lượng nước dùng cho sinh hoạt là:

$$20 \times 100 = 2.000 \text{ lít/ngày} = 2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước cho gà uống tính khoảng:

$$250 \text{ ml/con/ngày} \times 420.000 \text{ con} = 84.000.000 \text{ ml} = 84 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Lượng nước cấp cho hệ thống làm mát chuồng:

Cấp ban đầu: 3 m³/nhà x 14 nhà = 42 m³ (quá trình hoạt động lượng hơi nước sẽ được ngưng tụ và cấp trở lại hệ thống). Cấp bổ sung: Trong quá trình hoạt động một lượng nước sẽ thất thoát do bay hơi do đó sẽ cung cấp một lượng nước bổ sung là khoảng 0,5 m³/ngày x 14 nhà = 7 m³/ngày. Lượng nước này làm mát này được sử dụng tuần hoàn và không thải bỏ ra ngoài.

+ Nước dùng cho vệ sinh chuồng trại: Công ty sẽ tiến hành vệ sinh chuồng trại gà sau khi xuất bán (50 ngày/lứa), ước tính trung bình nước dùng vệ sinh chuồng 1 lần là:

$1,5\text{m}^3/\text{nàh} \times 14 \text{ nàh}/\text{lần} = 21\text{m}^3/\text{lần}$ (rửa chuồng bằng nước cao áp, do đó lượng nước sử dụng rất ít).

+ Nước dùng cho quá trình sát trùng: bình quân 1 người là 10 lít/người, nước sát trùng cho phương tiện vào khu trại là 25 lít/xe.ngày, mỗi ngày có khoảng 30 xe ra vào trại, lượng nước sử dụng cho sát trùng là:

$$(10 \text{ lít} \times 30 \text{ người}) + (25\text{lít} \times 30\text{xe}) = 1.050\text{lít/ngày} = 1,05\text{m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước dùng cho PCCC: Lượng nước này sử dụng không thường xuyên, chỉ sử dụng khi có sự cố. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy được tính cho 01 đám cháy trong 2 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây/đám cháy.

$$W_{cc} = 15 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 2 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây}/1.000 = 108\text{m}^3$$

+ Lượng nước dùng cho dự án gồm: nước sinh hoạt, nước sát trùng, nước làm mát, nước dùng cho vệ sinh sau mỗi lần xuất chuồng, nước cho gà uống.

$$2\text{m}^3 + 1,05\text{m}^3 + 42\text{m}^3 + 21\text{m}^3 + 84\text{m}^3 = 150,05\text{m}^3.$$

+ *Lượng nước thải phát sinh thường xuyên của dự án chỉ có nước thải sinh hoạt và nước sát trùng là:* $2,0\text{m}^3 + 1,05\text{m}^3 = 3,05\text{m}^3/\text{ngày}.$

+ *Lượng nước thải tối đa vào ngày trại vệ sinh chuồng nuôi gồm: nước thải vệ sinh chuồng, nước thải sinh hoạt, nước sát trùng.*

$$21 \text{ m}^3 + 2 \text{ m}^3 + 1,05 \text{ m}^3 = 24,05 \text{ m}^3$$

Ghi chú: Công ty có điều chỉnh số lượng chuồng nuôi gà từ 18 nhà xuống 14 nhà và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước chấp thuận tại công văn số 2103/STNMT-CCBVM ngày 30/7/2021. Do đó lượng nước vệ sinh chuồng tính toán thấp hơn so với báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt.

– *Nhu cầu sử dụng điện:* Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện quốc gia, điện sẽ được tiêu thụ cho các mục đích chăn nuôi, sinh hoạt, vận hành hệ thống xử lý nước thải...ước tính khoảng 3.600.000Kwh/năm. Ngoài ra, để đảm bảo nhu cầu cung cấp điện cho Dự án hoạt động được liên tục trong trường hợp gặp sự cố từ lưới điện quốc gia, dự án trang bị 02 máy phát điện dự phòng, công suất mỗi máy 300 KVA.

c/ Nhu cầu sử dụng dầu DO

Bảng 1.1: Nhu cầu sử dụng dầu DO của dự án

TT	Thiết bị	Nhu cầu
1	Máy phát điện	1.920Kg DO/năm

d/ Nhu cầu thuốc sử dụng trong dự án

Bảng 1.2: Nhu cầu sử dụng thuốc của Dự án

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng/lứa nuôi
1	Streptomycin	Lọ 1000mg	54.000
2	Gentamicin 4%	Túi 4000mg	5.000
3	Enrotis L.A	Lọ 1000mg	54.000
4	Ampicilin	Lọ 500mg	54.000
5	Nova - mycoplasma	Gói 1 kg	1.750
6	Penicilin	Lọ 1 mũi	47.250
7	Vaccine	Liều	4.375
8	Vắc sin	Liều	4.200.000
9	Thuốc thú y - vitamin	Liều	61.250
10	Chế phẩm EM	lít	1.500
11	Thuốc sát trùng Asicide	Kg	2.225
12	Vôi	Tấn	0,3

e/ Nhu cầu lao động

Chủ dự án dự kiến sẽ tuyển dụng lao động theo bảng sau:

Bảng 1.3: Nhu cầu sử dụng lao động của Dự án

TT	Loại lao động	Số lượng
1	Quản lý trại	01
2	Bác sĩ thú y	01
3	Công nhân kỹ thuật	01
4	Công nhân chăm sóc và vệ sinh chuồng trại	17
Tổng cộng		20

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

Tổng nguồn vốn đầu tư của dự án: 68.000.000.000 VNĐ (sáu mươi tám tỷ đồng).

Trong đó:

- Vốn góp: 30.000.000.000đồng
- Vốn vay: 38.000.000.000đồng

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

Dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 420.000 con gà thịt/lúa của Công ty TNHH Đầu tư Win House 2 đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp, thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 và quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 (chứng nhận thay đổi lần thứ 1) do đó dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Sự phù hợp của dự án Đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi gà công nghiệp, quy mô 420.000 con gà thịt/lúa đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thay đổi.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

– Nước mưa trong trại một phần tự thấm, một phần nước mưa theo hệ thống mương thoát nước mưa là mương hở, mương đất, rộng 0,15m, sâu 0,15m, dài khoảng 1.050m bố trí xung quanh các dãy nhà nuôi gà dẫn về hồ chứa nước mưa. Định kỳ công ty cho công nhân vệ sinh tuyến mương thoát nước mưa để tránh tình trạng bồi lắng, rác rơi vào tuyến mương thoát nước mưa.

– Trang trại tiến hành đào 01 hồ chứa nước mưa với thể tích là 4.800m³ (dài x rộng x sâu = 40m x 30m x 4m), hồ đất. Lợi dụng độ dốc địa hình của trang trại, đào hồ chứa nước mưa để thu gom được tối đa lượng nước mưa, tránh trường hợp nước mưa chảy tràn xung quanh trang trại.

– Nước mưa được thu gom tách biệt với nước thải. Lượng nước mưa này sau khi lắng sẽ được sử dụng cho phòng cháy chữa cháy trong trại và tưới cây trong khu vực trại.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ *Nước thải sinh hoạt:*

– Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó dẫn về Bể kỵ khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

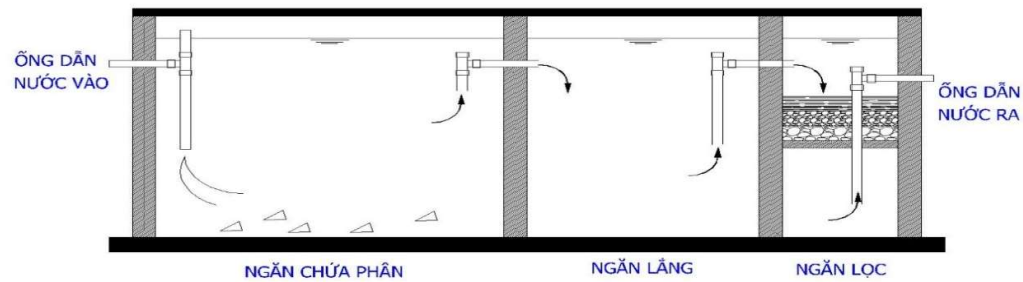
– Công ty đã xây dựng 02 bể tự hoại bố trí tại nhà văn phòng và khu nhà ở công nhân. Bể tự hoại được xây chìm dưới đất, bằng bê tông cốt thép, có tráng lớp chống thấm, thể tích mỗi bể tự hoại là 4,5m³.

– Cấu tạo gồm 3 ngăn: ngăn phân hủy, ngăn lắng và ngăn lọc.

– Nguyên lý làm việc: Nước thải được thải ra và dẫn đến bể tự hoại. Tại bể tự hoại, nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng xuống đáy bể và nước chảy ra sang bể kỵ khí. Khi cặn bã tại bể tự hoại đầy, bể tự hoại được hút để tránh cặn bã dồn ứ gây ra tắc cống nước. Phần nước sẽ được dẫn về bể kỵ khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý theo đúng quy định.

– *Nước thải chế biến thực phẩm:* Nước thải từ nhà ăn được thu gom tách dầu mỡ tại bể tách dầu, bể tách dầu bằng bê tông được tráng lớp chống thấm với kích thước (dài x rộng x sâu) là 0,5mx0,5mx0,7m, phần dầu được giữ lại ở phía trên, phần nước dẫn về bể kỵ khí để xử lý theo đúng quy định.

– Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại và nước thải chế biến thực phẩm sau bể tách dầu mỡ được dẫn về bể kỵ khí bằng đường ống nhựa uPVC Ø90mm, tổng chiều dài tuyến ống khoảng 160m.

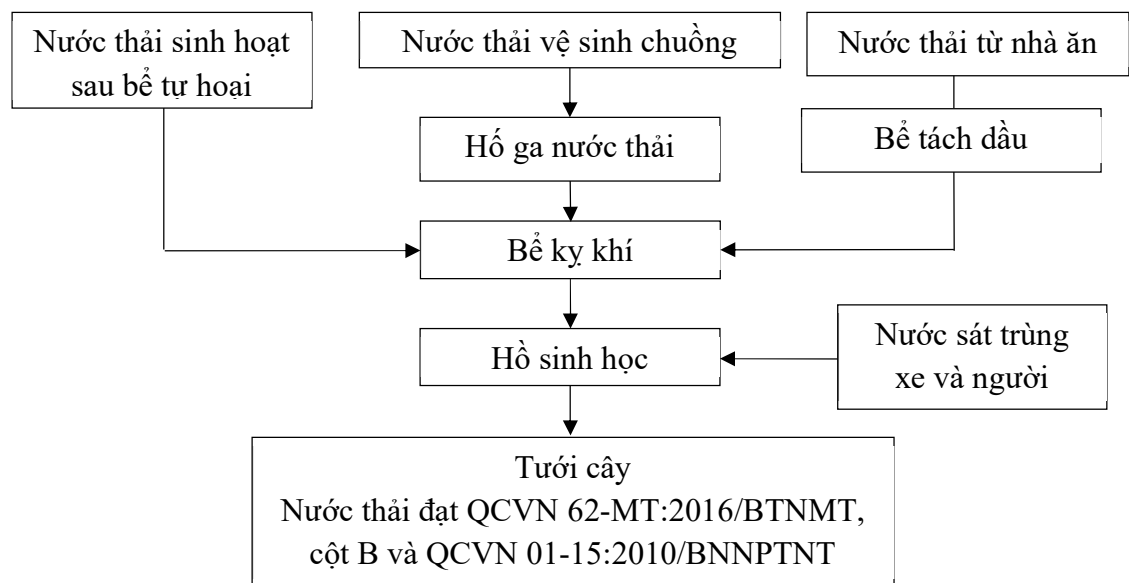


Hình 3.1: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

❖ **Nước thải chăn nuôi:**

- Nước thải tại trại gồm nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại (chỉ phát sinh vào ngày vệ sinh chuồng) và nước thải từ hoạt động sát trùng xe và người ra vào trại.
- Mỗi chuồng sẽ có 06 hố ga đường kính 1,0m, chiều sâu 1m, kết cấu bê tông cốt thép, trát chống thấm, nắp hố bằng bê tông. Nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại được thu gom về các hố ga, mỗi chuồng có 06 hố ga. Nước thải từ 06 hố ga tại mỗi chuồng dẫn theo tuyến ống nhựa uPVC Ø140mm dẫn ra tuyến ống chính. Tuyến chính là đường ống nhựa uPVC Ø168mm dẫn nước từ các dãy chuồng nuôi về bể kỵ khí. Tổng chiều dài các tuyến ống thu gom nước thải từ các chuồng dài khoảng 1.600m.
- Nước sát trùng được dẫn về hồ sinh học bằng đường ống uPVC Ø60mm dài khoảng 310m.

Trại sẽ thu gom toàn bộ nước thải phát sinh để xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT, tái sử dụng tưới cây trong khu vực dự án. Quy trình hệ thống xử lý nước thải cụ thể như sau:



Hình 3. 2: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải

Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi của dự án không đều mà chỉ tập trung chủ yếu trong thời gian vệ sinh chuồng trại khoảng 50 ngày/lần (khi trại đi vào hoạt động ổn định) để chuẩn bị nuôi lứa mới. Do vậy, chủ dự án đầu tư xây dựng bể kỵ khí vừa có tác dụng chứa nước để ổn định cho các công trình xử lý phía sau, vừa có tác dụng phân hủy một lượng ít phân gà còn sót lại trong quá trình thu gom và còn có lông gà rơi vãi trong chuồng nuôi.

Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn cũng sẽ được dẫn vào bể kỵ khí để xử lý cùng nước thải chăn nuôi. Nước thải từ nhà ăn sẽ được dẫn về bể tách dầu để tách lượng dầu mỡ sau đó cũng được dẫn về bể kỵ khí để được xử lý cùng nước thải chăn nuôi.

Xử lý chất thải bằng bể kỵ khí dựa trên nguyên tắc hoạt động kỵ khí của các nhóm vi sinh vật tùy nghi và vi sinh vật kỵ khí. Các nhóm vi sinh vật phân hủy các chất hữu cơ tạo ra các axit hữu cơ, các axit hữu cơ tiếp tục được loại bỏ nhờ các nhóm vi sinh loại axit tạo metan và khí cacbonic. Tại đây vi sinh vật phân hủy các chất tổng hợp và khí được sinh ra gồm metan (CH_4), nitơ (N_2), cacbon dioxit (CO_2) và hydro sulphate (H_2S). Khi nước thải xử lý ở bể kỵ khí 30 ngày thì BOD, COD giảm khoảng 60% và lưu 30 ngày thì BOD, COD giảm 75 - 80% cặn lơ lửng bị loại bỏ khoảng 70%. Trong bể kỵ khí, dưới sự tác động của các loại vi sinh vật kỵ khí sẽ lên men, làm giảm hàm lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải. Độ pH thích hợp nhất là từ 6,8 đến 7,5. Nước thải lưu tại bể kỵ khí khoảng từ 30 ngày sẽ được dẫn sang hồ sinh học.

Nước thải sau khi qua bể kỵ khí được dẫn về hồ sinh học, tiếp tục xử lý các chất bẩn còn lại. Trong hồ sinh học diễn ra hai quá trình xử lý song song. Một là quá trình xử lý hiếu khí ở bề mặt hồ và một là quá trình xử lý kỵ khí ở đáy hồ (chủ yếu là các cặn lắng).

Nước sát trùng: các phương tiện trước khi đi vào trại sẽ đi qua nhà sát trùng xe. Nước sát trùng một phần bám dính vào phương tiện và bốc hơi phần còn lại đọng lại trong hố chứa nước sát trùng. Lượng nước được dẫn về hồ sinh học của hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT và dùng tưới cây xanh cách ly trong khu vực dự án.

Công ty cam kết chỉ tưới cây xanh cách ly trong khu vực dự án.

Bảng 3.1. Thống kê công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng

Công trình	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều sâu (m)	Thể tích (m ³)	S.L	Vật liệu
Hố ga nước thải	Đường kính 1,0m, chiều sâu 1,0m			0,785	36	Bê tông cốt thép, chống thấm
Bể kỵ khí	6	4	5	120	1	Bể được xây dựng kín bằng bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hồ sinh học	9	6	5	270	1	Hồ đất, lót bạt HDPE

Ghi chú: kích thước, số lượng hố ga nước thải và kích thước hồ sinh học có thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của dự án, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước chấp thuận tại công văn số 2105/STNMT-CCBVM ngày 30/7/2021.

- Dự án không sử dụng hoá chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải;
- Yêu cầu, quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT.

2. Công trình, biện pháp xử bụi, khí thải

Các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi được công ty áp dụng tại trại:

- Xây dựng đường giao thông nội bộ riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực Trại; không nổ máy quá lâu trong khu vực dự án, không chở quá tải, điều phối xe hợp lý;
- Xây dựng chuồng cao ráo, thông thoáng, bố trí các quạt hút tại chuồng nuôi;
- Bố trí hầm huỷ xa khu vực chuồng trại, phun chế sinh học để hạn chế mùi;
- Trồng cây xanh quanh khu vực chuồng nuôi để hạn chế mùi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

➤ **Chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân, để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

- Chủ đầu tư bố trí 04 thùng rác bằng nhựa dung tích 60L đặt dọc đường giao thông nội bộ và tại khu vực nhà công nhân để thu gom rác thải. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom rác thải sinh hoạt phát sinh tại trại theo đúng quy định của pháp luật.

➤ **Chất thải rắn không nguy hại**

Đối với chất thải rắn không nguy hại có khả năng tái sử dụng như lọ, thùng carton, bao bì,... Các chất thải từ các hoạt động của dự án sẽ được thu gom và xử lý như sau:

- Thùng carton và bao bì được thu gom và chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định pháp luật. Các chất thải rắn thông thường khác sẽ được phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định;
- Công ty đã xây dựng Nhà chứa chất thải rắn thông thường: nhà 1 tầng, diện tích 4m². Kết cấu công trình khung kèo định hình lợp tôn, nền bê tông, tường bao che xây gạch, có mái che.

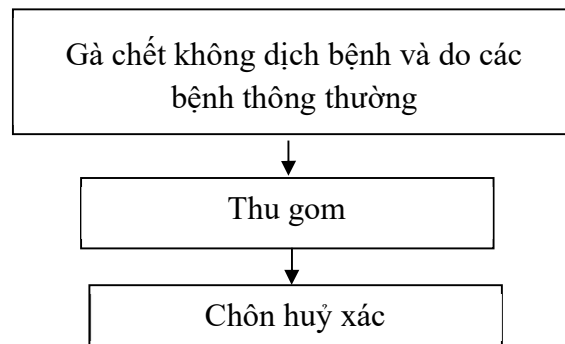
➤ **Phân gà và trâu rải sào**

- Sau khi gà xuất chuồng, phân gà và trâu lót chuồng sẽ được thu gom hoàn toàn, đóng bao và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chuyển đi trong ngày, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có nhu cầu để thu gom phân gà.

- Phân gà và trâu sau khi vận chuyển khỏi chuồng, công ty sẽ làm sạch chuồng, tẩy uế, khử trùng và để trống chuồng nuôi ít nhất 15 ngày trước khi nuôi gia cầm mới. Phân gà và trâu được đóng bao, xe tải sẽ tới vận chuyển ngày sau khi xuất chuồng.

➤ **Gà chết không do dịch bệnh**

Gà chết không do dịch bệnh sẽ được xử lý bằng hầm huỷ xác với quy trình như sau:



Hình 3.3: Quy trình xử lý xác gà chết không do dịch bệnh

Thuyết minh quy trình xử lý xác gà chết không do dịch bệnh bằng hầm huỷ xác:

Gà chết không do dịch bệnh phát sinh từ dự án sẽ được chuyển ngay ra khu vực hầm huỷ xác.

Khu vực huỷ xác: Khu vực huỷ xác được bố trí bên trong khu đất của dự án biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi, hầm huỷ xác gà được bố trí ở phía Bắc của trại, cách xa khu vực nhà văn phòng, nhà công nhân. Trang trại xây dựng 01 hầm huỷ xác gà có kết cấu bê tông chống thấm, Kích thước hầm huỷ: Dài x rộng x sâu = (25,5m x 10,4m x 4m), trong hầm huỷ bố trí tổng 12 hố huỷ gà với đường kính mỗi hố 1m, chiều sâu 4m, hình

trụ đứng, đáy đổ bê tông chống thấm, mỗi hố có 01 nắp đáy kín. Bề mặt của các hố huỷ có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Quy trình huỷ xác:

- Bước 1: Sau khi hoàn tất công tác bố trí và xây dựng hầm huỷ xác, tiến hành rải vôi bột làm lớp lót đáy của hầm huỷ xác.
- Bước 2: Cho xác gà cần tiêu huỷ xuống hầm.
- Bước 3: Rải một lớp vôi bột lên lớp xác vừa được đưa vào hầm. Tùy theo số lượng xác để rải vôi bột.
- Bước 4: Đóng cửa sau khi thực hiện các bước trên. Sau khi bị chết, xác động vật sẽ được phân huỷ tương tự quá trình vô cơ hoá chất hữu cơ trong tự nhiên.
- Bước 5: Phía ngoài khu vực hầm huỷ xác, tạo một rãnh nước với kích thước: rộng 20 – 30cm và sâu 20 – 25 cm, có tác dụng dẫn nước mưa thoát ra ngoài, tránh ứ đọng nước quanh hầm huỷ xác.
- Bước 6: Trên bề mặt hầm huỷ xác, rắc vôi bột với lượng 0,8kg/m² hoặc phun dung dịch chlorine nồng độ 2%, với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² để hạn chế khả năng phát tán mùi và nguy cơ bệnh dịch nếu có trong quá trình thao tác.
- Bước 7: Khi lượng xác gà tại 1 hố đầy, tiến hành rắc vôi bột, đóng nắp hố và bỏ tiếp vào các hố tiếp theo.

➤ **Xử lý gà chết do các bệnh thông thường:**

Đối với gà chết do các bệnh thông thường, các bệnh không thuộc quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của BNN&PTNT sẽ được đưa vào hầm huỷ xác để xử lý theo đúng quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành khoảng 650kg/năm ~ 54,17 kg/tháng, cụ thể như sau.

Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh dự kiến

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Tính chất độc hại
1	Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ	18 02 01	08	Đ, ĐS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	04	-
3	Dầu nhớt thải	17 02 03	05	Đ, ĐS, C
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	85	LN
5	Pin thải	19 06 01	3	Đ, ĐS, AM
6	Bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y)	18 01 01	215	Đ, ĐS

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Tính chất độc hại
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	37	Đ, ĐS
8	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại)	14 02 02	293	LN, Đ
Tổng			650	

– Chất thải nguy hại được thu gom vào 08 thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 60L, bằng nhựa HPDE, có nắp đậy kín và có dán nhãn cảnh báo. Lượng CTNH này được bố trí để riêng trong khu vực kho chứa CTNH với diện tích là 4m², có mái che, sàn cao tránh bị ngập nước, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt sơn nước, mái lợp tole, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng,...theo đúng quy định.

– Công ty đã ký hợp đồng thu gom với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh theo hợp đồng số 29/17/2022/HĐXL-TDX ngày 17/02/2022 để thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại trại.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn được công ty áp dụng:

- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe và máy phát điện).
- Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng. Hạn chế vận chuyển gà vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gối nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ chuyển gà con và nguyên liệu lên xuống xe.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

➤ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nhiễm bệnh và lan truyền dịch bệnh

❖ Biện pháp phòng ngừa

➤ Quản lý chương trình vaccin và phòng chống dịch bệnh

Xác định đúng danh mục các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành và yếu tố dịch tễ lưu ý thuộc các chủng mầm bệnh đang thịnh hành tại vùng tỉnh Bình Phước và vùng lân cận. Hiện trạng miễn dịch và sự duy trì kháng thể

có thể được kiểm tra bằng phương pháp thử huyết thanh thích hợp. Hiệu quả của chương trình phải được giám sát bằng các kiểm tra huyết thanh trong phòng thí nghiệm đối với các mẫu lấy từ các đàn.

Khi thực hiện việc tiêm vacxin phải có sự phân công trách nhiệm được ghi chép chi tiết và chữ ký của người chịu trách nhiệm. Áp dụng các biện pháp thực hiện nghiêm ngặt, ghi chép đầy đủ, duy trì quy định tiêm phòng thường xuyên theo lứa tuổi. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ Chương trình tiêm phòng cúm gia cầm, Newcastle và chương trình giám sát dịch bệnh của dự án.

- Vệ sinh cơ bản

Khu trại được thiết kế ngay công ra vào có hồ chứa nước sát trùng và hệ thống máy phun sát trùng cho bất cứ phương tiện nào đi ra vào trại.

- Vệ sinh chuồng nuôi

Sau mỗi đợt xuất chuồng cần phải vệ sinh sạch sẽ chuồng trại, thu gom phân trên sàn nếu có, phun thuốc sát trùng cho các chuồng trước khi thả đàn gà mới.

- An toàn vệ sinh thú y

Chương trình vệ sinh phòng dịch tuân thủ tuyệt đối theo chương trình vệ sinh phòng dịch quốc gia. Bên cạnh đó trại cũng có chương trình phòng dịch riêng của các chuyên gia vạch ra nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho sức khỏe của đàn gà và môi trường.

➤ *An toàn sinh học – Phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi*

Chương trình an toàn sinh học là việc áp dụng tổng hợp và đồng bộ các biện pháp kỹ thuật quản lý nhằm ngăn ngừa sự tiếp xúc giữa vật nuôi và mầm bệnh nhằm đảm bảo cho đàn vật nuôi được hoàn toàn khỏe mạnh và không bị dịch bệnh.

- *Chăn nuôi an toàn sinh học sẽ góp phần:*

- + Ngăn cản sự xâm nhập của mầm bệnh từ bên ngoài trại vào trong trại.
- + Không để mầm bệnh lây lan giữa các khu vực trong trại.
- + Không để vật nuôi trong trại phát bệnh.
- + Ngăn cản sự lây lan mầm bệnh từ trong trại (nếu có) ra ngoài trại.

- *Các nguyên tắc cơ bản trong thực hành chăn nuôi an toàn sinh học:*

- + Đàn vật nuôi phải được nuôi trong một môi trường được bảo vệ.
- + Đàn vật nuôi phải được chăm sóc nuôi dưỡng tốt.
- + Tất cả mọi sự di chuyển ra vào trại và giữa các khu vực trong trại đều phải được kiểm soát nghiêm ngặt.

- *Các biện pháp thực hành an toàn sinh học:*

- + Thực hiện chế độ nuôi chuồng kín đối với từng dãy nhà nuôi.
- + Chăn nuôi và kiểm soát dịch bệnh theo từng dãy nhà trong trại.
- + Tất cả người và phương tiện khi vào khu vực phải đi qua hố sát trùng ở lối vào khu vực.

+ Cọ rửa ủng và bánh xe ngay khi ra khỏi dãy chuồng và sau đó đi qua hố sát trùng.

+ Dụng cụ chăn nuôi và vệ sinh chỉ dùng riêng cho từng dãy chuồng. Cọ rửa và phơi khô sau khi sử dụng.

+ Cố định công nhân theo dãy chuồng hoặc khu vực chăn nuôi.

+ Sử dụng con giống an toàn dịch bệnh: Nhập giống gia cầm từ các đơn vị cung cấp giống an toàn về dịch bệnh và các bệnh truyền nhiễm quan trọng.

+ Phòng bệnh bằng vắc xin: Tùy theo giống vật nuôi mà thực hiện các chương trình tiêm phòng vắc xin khác nhau theo quy định của cơ quan thú y.

+ Xét nghiệm định kỳ, giám sát sự lưu hành các loại mầm bệnh: Có hệ thống giám sát dịch bệnh theo sự quản lý của cơ quan thú y được phân công: xét nghiệm huyết thanh định kỳ.

+ Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại trong thời gian quy định.

+ Trong điều kiện không có dịch bệnh, định kỳ phun thuốc sát trùng khu vực đệm.

+ Trong trường hợp trại đang nằm trong vùng dịch hoặc vùng bị dịch uy hiếp thì phải phun thuốc sát trùng mỗi tuần 2 lần.

- *Xử lý, tiêu hủy gà bệnh và chết:*

+ Phải có khu vực riêng để xử lý gia cầm bệnh. Sau mỗi lần xử lý phải phun sát trùng.

+ Tiêu hủy gia cầm ốm, chết theo hướng dẫn của cơ quan thú y.

- *Kiểm soát các sự di chuyển ra vào trại:*

+ Các phương tiện vào trại phải được rửa sạch bằng vòi phun nước áp lực cao.

Sau đó, đi qua hố sát trùng.

Người vào trại bắt buộc phải vệ sinh theo quy trình sau:

+ Thay quần, áo, mũ, ủng.

+ Tắm và gội đầu.

+ Mặc quần, áo, mũ, ủng mới của trại đã được giặt và sát trùng.

+ Đi qua hố sát trùng để vào trại.

+ Huấn luyện nhân viên: Hướng dẫn mọi cán bộ và công nhân của trại để họ hiểu rõ và có kỹ năng thực hiện tốt tất cả các biện pháp an toàn sinh học áp dụng ở trại.

❖ Các biện pháp xử lý và phòng chống khi xảy ra dịch bệnh:

➤ *Khi có bệnh xảy ra phải:*

– Thông báo ngay cho cán bộ thú y;

– Không bán chạy, không ăn thịt gia cầm trong đàn bị bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;

– Cách ly ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gia cầm chết, mắc bệnh và các gia cầm khác trong đàn theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương.

– Vệ sinh tiêu độc ổ dịch theo trình tự sau:

+ Phun sát trùng, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi liên tục 2-3 lần trong tuần đầu. Riêng chuồng nuôi phải để nguyên trạng, phun thuốc sát trùng và ủ 5-7 ngày;

+ Quét dọn, thu gom và tiêu hủy phân.

+ Rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom.

- + Việc nuôi gia cầm trở lại phải được sự đồng ý của các cơ quan quản lý thú y.
- + **Chú ý:** Tất cả những người tiếp xúc với gia cầm bệnh, phải sử dụng bảo hộ lao động, tránh lây nhiễm bệnh.

➤ ***Biện pháp phòng tránh chung trong vùng chưa có dịch***

- Không tiếp xúc với gia cầm, trừ trường hợp bắt buộc.
- Người chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, giày dép ở khu vực riêng.

➤ ***Biện pháp phòng tránh trong vùng dịch***

Người chăn nuôi, người vận chuyển, kiểm tra và tiêu hủy gia cầm phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động:

- Mặc quần áo bảo hộ liền bộ, dài tay, không thấm nước;
- Đeo găng tay cao su loại dày đã được khử trùng;
- Đeo khẩu trang; đeo kính bảo hộ; đội mũ bảo hộ; đi ủng cao su
- Những người tiếp xúc với gia cầm bệnh cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng.
- Thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn gà. Nếu thấy có gà bệnh:
 - + Phải báo ngay cho cán bộ thú y, cán bộ kỹ thuật của trại;
 - + Không bán chạy, không ăn thịt gia cầm bệnh, không vứt xác chết bừa bãi;
 - + Phải tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm theo quy định;
 - + Quét dọn phân, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi theo hướng dẫn của thú y;
 - + Những người đã tiếp xúc với gia cầm bệnh, khi thấy có biểu hiện như ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

➤ ***Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ***

Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ:

Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, các khu nhà phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện.
- Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của Dự án.
- Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy trại: hòng cứu hỏa, bình CO₂, máy bơm,.. Các thiết bị như bình CO₂ được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của Trại, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi có trấu,...Nơi để trấu phải để nơi cách xa những vật dễ cháy, nổ.

➤ ***Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn lao động***

Để đảm bảo an toàn lao động, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Các biện pháp như lắp đặt các biển báo giao thông, biển báo hồ bể.
- Sắp xếp các khu vực chứa vật liệu, thiết bị phù hợp không để lấn chiếm lối đi lại.
- Dự án sẽ không tiếp nhận các công nhân không tuân thủ về các điều kiện an toàn lao động do dự án đặt ra. Mặt khác, Chủ Dự án sẽ ưu tiên cho lao động địa phương.

Trường hợp có xảy ra tai nạn lao động thì phải chuyển công nhân đến trạm y tế xã gần nhất và chuyển ngay đến bệnh viện huyện, tỉnh khi xảy ra tai nạn nghiêm trọng.

➤ Giảm thiểu sự cố bể tự hoại

- Bơm hút bể tự hoại khi bể đầy.
- Nếu xảy ra sự cố, Chủ Dự án sẽ kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh gây tác động tới môi trường.

➤ Giảm thiểu sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Phân công 1 nhân viên có chuyên môn để vận hành, kiểm tra hệ thống không chế ô nhiễm, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải.
- Đảm bảo vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý; nếu không đạt, không sử dụng nước thải tưới cây và bơm ngược trở lại bể kỵ khí để xử lý. Trong trường hợp nước thải không đạt nữa công ty sẽ tiến hành lập các hồ sơ pháp lý và cải tạo hệ thống xử lý nước thải.
- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến mương dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải. Đường ống cấp thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Hướng dẫn và đảm bảo khả năng đảm nhận của người vận hành các công trình hệ thống xử lý nước thải.
- Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý. Nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích một số thông số ô nhiễm thông thường (nếu có điều kiện). Nếu hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đạt giới hạn yêu cầu, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả thải vào công trình thủy lợi

Không có

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Không có

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.3: Những nội dung thay đổi về phương án xử lý chất thải giữa quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế

STT	Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Quyết định phê duyệt điều chỉnh của cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM (nếu có)
1	Công trình thu gom và xử lý nước thải	Hố ga nước thải: 36 hố ga, đường kính mỗi hố là 1,5m, chiều sâu 2m. Hồ sinh học kích thước: dài x rộng x sâu: 6m x 5m x 5m	Hố ga nước thải: 84 hố ga, đường kính mỗi hố 1m, chiều sâu 1m Hồ sinh học: kích thước: dài x rộng x sâu: 9m x 6m x 5m	Công văn số 2105/STMNT-CCBVMT ngày 30/07/2021
2	Hầm huỷ xác gà	Hầm huỷ xác gà có kích thước dài x rộng x sâu: 16,2m x 9,6m x 4m	Hố huỷ gà có kích thước dài x rộng x sâu: 25,5m x 10,4m x 4m	
3	Nhà chứa phân	Kích thước dài x rộng: 5m x 5m	Phân gà sau mỗi đợt nuôi được thu gom và vận chuyển trong ngày.	

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải của dự án gồm 02 nguồn thải chính:

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 02: Nước thải chăn nuôi và sát trùng

Lưu lượng nước thải tối đa: Tổng lưu lượng phát sinh nước thải của dự án là 24,05 m³/ngày đêm cụ thể như sau:

- + Nguồn số 01: Lưu lượng tối đa khoảng 2 m³/ngày đêm
- + Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải tối đa là 22,05 m³/ngày đêm

Dòng nước thải: Dự án có 02 nguồn nước thải gồm nước thải chăn nuôi và sát trùng, nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung qua hệ thống xử lý nước thải và đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới cây trong khu vực Dự án.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, chăn nuôi được xử lý đạt cột B QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, QCVN 01-15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Giá trị C - Cột B	QCVN 01-15:2010/BNNPTNT
1	pH ^(a,b)	-	5,5 - 9	-
2	BOD ₅ ^(a,b)	mg/L	100	-
3	COD ^(b)	mg/L	300	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/L	150	-
5	Tổng Nitơ	mg/L ml	150	-
6	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL hoặc CDU/100 ml	5000	5000
7	Coli phân	MPN/100mL	-	500
8	Salmonella	MPN/50mL	-	KPH

2. Nội dung cấp phép đối với khí thải:

Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Các phương tiện tham gia vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm ra vào trang trại;
- Nguồn số 2: Từ quá trình chạy máy phát điện khi mất điện, tuy nhiên tác động do tiếng ồn phát sinh từ nguồn này là không thường xuyên.

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn tại dự án nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc là 85 dBA.

4. Đề nghị cấp phép dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:

Không có

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Không có

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Bảng 5.1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian dự kiến
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt, chăn nuôi	06/2022 – 09/2022
2	Hầm huỷ xác gà	06/2022 – 09/2022
3	Kho chứa chất thải rắn thông thường và nguy hại	06/2022 – 09/2022

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý:

❖ Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

Bảng 5.2 : Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu

STT	Kế hoạch lấy mẫu	Số lượng	Thời gian dự kiến
1	Đầu vào HTXL nước thải	5	06/2022 – 09/2022
2	Đầu ra HTXL nước thải	5	06/2022 – 09/2022
3	Nước thải trước HTXL	1	09/2022
4	Nước thải sau HTXL	7 (lấy trong 7 ngày liên tiếp)	

- Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu phân tích, thời gian, tần suất lấy mẫu thực hiện theo ĐTM:

+ Giám sát nước thải: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng Nito, Tổng Coliform, Coli phân, Sanmonella.

01 điểm nước thải đầu vào hệ thống xử lý

01 điểm tại đầu ra hệ thống xử lý.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện:

- Trung tâm nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ & Môi trường tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích.

+ Địa chỉ: Số 20, đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điện thoại: 028.39162814

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu vimcerts 089 theo quyết định số 577/QĐ-BTNMT ngày 25/03/2022 của bộ tài nguyên và môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số vilas 495 theo quyết định số 758.2020/QĐ-VPCNCL ngày 15/09/2020 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng.

❖ **Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn).**

 Phương pháp đo đạc, lấy mẫu và phân tích :

Bảng 5.3 : Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu nước thải :

TT	Loại mẫu	TCVN lấy mẫu
1	Nước thải	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 5999:1995

Phương pháp phân tích mẫu, áp dụng đối với phương pháp phân mẫu nước thải bảng sau :

Bảng 5.4 : Phương pháp phân tích mẫu nước thải

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	pH	-	TCVN 6492 : 2011
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	TCVN 6001 -1: 2008
3	COD	mg/L	SMEWW 5220.C : 2012
4	TSS	mg/L	TCVN 6625 : 2000
5	Tổng nitơ	mg/L	TCVN 6638 : 2000
6	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
7	Coli phân	MPN/100mL	TCVN 6187 – 2:1996
8	Samonella	MPN/100mL	ISO 19250:2010

Thời gian tiến hành thử nghiệm và lấy mẫu phân tích

Thông số quan trắc của từng công đoạn xử lý là thông số ô nhiễm chính được sử dụng để tính toán thiết kế cho từng công đoạn xử lý:

Bảng 5.5 : Vị trí lấy mẫu của hệ thống xử lý nước thải.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Đầu vào Hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito, Coliform, Coli	05 mẫu	06/2022 – 09/2022	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-15:2010 /BNNPTNT
2	NT02 : Đầu ra Hệ thống xử lý nước thải	phân, Samonella			

Đối với mẫu nước thải đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải. Tần suất quan trắc 1 ngày/lần, đo đạc, lấy mẫu, phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 7 ngày liên tiếp.

Bảng 5.6: Các thông số quan trắc tại mẫu nước thải trước HTXLNT và sau HTXLNT.

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tổng số mẫu (tổ hợp)	Ngày lấy	Quy chuẩn
1	NT01 : Mẫu nước thải trước khi vào hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng Nito, Coliform, Coli	01 mẫu	09/2022	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B, QCVN 01-15:2010/BNNPTNT
2	NT02 : Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải	phân, Samonella	07 mẫu	09/2022	

5.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

a. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát:

- + 01 điểm sau quạt hút của chuồng trại
- + 01 điểm tại khu vực hầm hủy xác gà

+ 01 điểm tại khu vực xử lý nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, SO₂, NO_x, H₂S, NH₃.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: TCVS 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT.

b. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm lấy mẫu tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải

+ 01 điểm lấy mẫu tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải tại hồ sinh học

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng nitơ, tổng Coliform, Salmonella, Coli phân.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

c. Giám sát môi trường nước ngầm

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại giếng khoan trong khu trại.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, Độ cứng, TDS, Fe tổng, Nitrat, Cl⁻, Amoni, tổng Coliform

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

d. Giám sát môi trường đất

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực tiếp nhận nước thải sau xử lý để tưới tiêu

- Chỉ tiêu giám sát: As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

e. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- Quy định áp dụng: Luật số 72/2020/QH14, nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 15:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gà an toàn sinh học.
- Cam kết chất lượng không khí đạt QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép ánh sáng tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu-giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc, QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- Cam kết thực hiện kiểm soát môi trường đất theo QCVN 03-MT/2015/BTNMT.
- Cam kết các chỉ tiêu trong nước ngầm tại giếng khoan trong trang trại đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN09-MT:2015/BTNMT.
- Đối với chất thải rắn không nguy hại và rác thải sinh hoạt, Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có chức năng để thu gom xử lý.

PHỤ LỤC